

Mật Tạng Bộ 3 \_ No.1087 (Tr.211 \_ Tr.215)

## QUÁN TỰ TẠI NHƯ Ý LUÂN BỒ TÁT DU GIÀ PHÁP YẾU \_MỘT QUYỂN\_

Hán dịch: Đại Đường, nước Thiên Trúc Tam Tạng KIM CƯƠNG TRÍ dịch  
Sưu tập Thủ Ấn, phục hồi Phạm Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

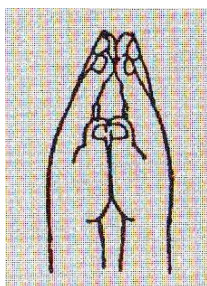
Nay Ta thuận DU GIÀ  
KIM CƯƠNG ĐỈNH KINH nói  
MA NI LIÊN HOA BỘ  
NHƯ Ý NIỆM TỤNG PHÁP  
Vì tu **Tam Muội** (Samàdhi) này  
Hay như **Quán Tự Tại** (Avalokite'svara)

Trước tiên chọn đệ tử  
Thuộc **Tộc Tính** (Kula) kính **Pháp** (Dharma)  
Được nhiều người yêu kính  
Có Trí Tuệ, dũng tiến  
Quyết định **Tỳ lý gia** (Virya\_ Tinh tiến)  
Thường chẳng bỏ Giác Tuệ  
Hiếu thuận với cha mẹ  
Tỉnh tín nơi **Tam Bảo** (Tri-ratna)  
Vui tu **hạnh Bồ Đề** (Bidhi-caryà)  
Nơi bốn Tâm Vô lượng  
Sát na không gián đoạn  
Thường vui **Pháp Đại Thừa** (Mahà-yàna-dharma)  
Trụ ở Bồ Tát Giới  
Cúng kính **A Xà Lê** (Àcàrye)  
Tất cả bậc **Thánh Giả** (Àrya)  
Thành tựu sức kiên cố  
Dũng mãnh của **trượng phu** (Puruṣa)  
Khéo thông Môn Tương Ứng  
Thường vui hạnh Tịch Tĩnh  
Trí Tuệ không sợ hãi  
Đem **giới luật** (Vinaya) nghiêm thân  
Tinh tu **Bí Mật Thừa** (Guhya-yàna)  
Kính y **Lý Thú Đạo** (Naya-pàtha)  
Một lòng không chỗ khác  
Thường vui nghe **Diệu Pháp** (Saddharma)  
Từng vào **Tam Muội Gia** (Samaya)

Theo Thầy được **Quán đĩnh** (Abhiṣeka)

Được việc ẩn khả xong  
Chẳng bao lâu sẽ thành tựu  
Đệ Tử đủ tướng này  
Mới có thể truyền thụ  
Đây tức Báu Như Ý  
Hay thành các sự nghiệp

Như Kinh nói xứ sở  
Sườn núi với dòng sông  
**A Lan Nhã** (Araṇya) thanh tịnh  
Khe, cốc tùy ý thích  
Lìa các nạn nguy sợ  
Tùy khả năng cúng dường  
Hành Nhân hướng phương Tây  
**Mạn Đề Tự Tại Vương**  
Tiếp, lễ Phật phương khác  
Cúi năm vóc sát đất  
Như **Giáo** mà kính lễ  
Quy hai gối, thẳng lưng  
Chắp tay, giữa trống rỗng



Thành tâm bày tỏ hết  
Con từ đời vô thủy  
Lưu chuyển trong sinh tử  
Nay đối Đại Thánh Tôn  
Hết lòng xin **Sám hối**  
Như Phật trước đã Sám  
Nay con cũng như vậy  
Nguyện rũ sức gia trì  
Chúng sinh đều thanh tịnh  
Do Đại nguyện này nên  
Ta người (Tự Tha) được **Vô Cấu** (không có dơ bẩn)  
Mật Ngôn là:

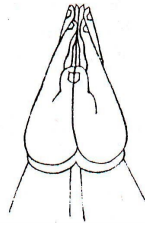
**Án - Toa phộc bà phộc, thâu đà – tát bà đạt ma toa phộc bà phộc, thâu đô**

– **Hàm**

ॐ स्वभाव सुद्ध सर्व धर्म स्वभाव सुद्धं  
 ॐ OM SVABHÀVA ‘SUDDHA SARVA DHARMA SVABHÀVA  
 ‘SUDDHA UHAM

Hành Giả tiếp nên **tùy hỷ** nơi gom chứa Phước Trí của tất cả Chư Phật Bồ Tát  
 Tất cả Phật ba đời  
 Bồ Tát và Thánh chúng  
 Đã gom chứa căn lành  
 Chắp tay **tùy hỷ** hết  
 Như thân ta gom chứa  
 Vui vẻ không có khác

Tiếp, nên quỳ gối bên phải sát đất, chắp tay Phù Dung đặt trên đỉnh đầu, tưởng lễ dưới chân tất cả Như Lai với Bồ Tát.



Mật Ngôn là:

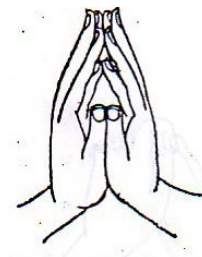
**Án – Bát đầu ma – Vi**

ॐ पद्म वि

ॐ OM PADMA VIH

Lễ Chư Phật xong, tùy ý ngồi theo thể Toàn già, Bán già hoặc Luân Vương già.

Tác Tọa Ấn này xong  
 Quán Phật khắp hư không  
 Tự thân đều ở trước  
 Trụ chúng Thánh hội kia  
 Chỉ Quán (2 bàn tay) từ trên gối  
 Xoay múa hợp ngang tim  
 Như hoa sen chưa nở



Tưởng lễ nơi Chư Phật

Tiếp, kết Tam Muội Gia

Buộc bên chặc ngang tim  
Dựng Đàn Tuệ (2 ngón út) Thiên Trí (2 ngón cái)  
**Kim Cương Liên Hoa Ấn**



Thông bậc cầm hoa sen  
Cảnh giác chúng Thánh xong  
Tụng Mật Ngôn này là:  
**Án – Bạt nhật la bát đầu-ma tam ma gia, tát-đát-noan**

ॐ वज्र पद्म समय च्छ

ॐ OM VAJRA PADMA SAMAYA STVAM

Do kết Ấn này nên

Phật với **Thiện Thệ Tử** (Sugata-putra: Con của đấng Thiện Thệ)

Các bậc **Đại danh xưng** (Mahà-ya'sa)

Diệu quán sát nhiếp thọ

Nhớ lại Thệ Nguyện xưa

Đối trước **BIỂN CHIẾU TÔN** (Vairocana-nàtha)

Chẳng dám ngược Giáo Lệnh

Gia trì khiến viên mãn

Tiếp, kết **NHẤT THIẾT CHƯ PHẬT NHƯ LAI AN LẠC DUYỆT Ý HOAN HỖ TAM MUỘI GIA ẤN**

Buộc mười ngón bên chặc

Nhấn Nguyện (2 ngón giữa) hợp giao giữa

Đàn Tuệ (2 ngón út) và Thiên Trí (2 ngón cái)

Đều hợp nhau dựng đứng



Mật Ngôn là:

**Án – Tam ma gia, hô, Tô la đá, Tát-đát-noan**

ॐ समय ः सुरा च्छ

ॐ OM SAMAYA HOH SURATA STVAM

Do kết Ấn ấy nên

Chư Phật và Bồ Tát

Tất cả **Chấp Kim Cương** (Vajra-dhàra)

Thấy đều rất vui vẻ

Tiếp, nên mở cửa tâm

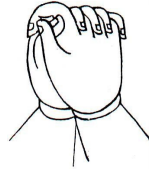
Vào chữ **Kim Cương Trí** (Vajra-jñàna)

Quán ở trên hai vú

Phải: ĐÁT LA (𑖔 - TRÀ) Trái: TRA (𑖓- 𑖔 )

Như cánh cửa Cung Thất

**Kim Cương Phộc** thù thắng



Ba nghiệp đồng thời phát

Vỡ tim mở hai chữ

Mật Ngôn là:

**Án – Bạt nhật la mãn đà đát la tra**

ॐ 𑖔𑖓𑖔𑖓 𑖔𑖔

ॐ OM VAJRA BANDHA TRÀṬ

Ướm hạt từ Vô thủy

Gom chứa bao trần lao

Nay dùng **Triệu Tội Ấn**

Gom lại đập nát hết

Buộc mười ngón bền chắc

Duỗi Nhãn Nguyệt (2 ngón giữa) như Kim

Co Tiến Lực (2 ngón trỏ) như Câu (móc câu)



Tâm tưởng triệu các tội

Tưởng dạng mọi tội ấy

Lộ hình đen như tóc

Ngược ấn khắc nơi tim

Chạm xong, tụng Mật ngữ

Tương ứng với ba nghiệp

Hay triệu các tội chừa

Tụng **triệu tập** này xong

Mới làm Pháp Tội phá

Mật Ngôn là:

**Án – Tát bà bá ba ca lý sái noa, vĩ thâu đà ná, tam ma gia, bạt nhật-la, Hồng nược**

ॐ सर्वं पापकर्म विनाशाय नमो भद्रं कुरु सर्वैः

OM SARVA PÀPA AKARŞAYA VI'SODHANA SAMAYA VAJRA HÙM JAḤ

Triệu vào bàn tay xong  
Mới làm Pháp Tội phá  
Ấn trước cùng cài trong  
Xưng **Hàm** (ॐ- HÙM) cột các tội  
Nhấn Nguyện (2 ngón giữa) cùng duỗi thẳng  
Có chữ ĐÁT LA TRA (ॐ - TRÀT)



Tưởng làm chày Kim Cương  
Cùng võ như phá núi  
**Phần cú và nộ hình**  
Hay tĩnh các nẻo ác  
Tụng xong, Nhấn Nguyện (2 ngón giữa) võ  
Hai mươi một (21) tùy **Nghi** (nghi tắc)  
Mật Ngôn là:

**Án – Bạt nhật la bá ni vĩ toa phổ tra dã – Tát đá bá da mãn đà ná nễ bát-la mẫu cật-sái dã – Tát bà bá dã nghiệt để tỳ-dược - Tát bà đát mạn – Tát bà đát tha nghiệt da ,bạt nhật-la tam ma gia – Hồng đát-la Tra**

ॐ वज्रपणि विष्णुतया सर्वं पापं बन्धनानि प्रमोक्षया - सर्वा पापा गतेभ्याः सर्वा सत्वा मन् - सर्वा तथगतं वाज्रं समया हुं त्रः

OM VAJRAPÀNI VIŞPHOTAYA SARVA PÀYA BANDHANÀNÌ PRAMOKŞAYA - SARVA PÀPAYA GATEBHYAḤ - SARVA SATVA MÀM - SARVA TATHÀGATA VAJRA SAMAYA HÙM TRÀṬ

Dùng Môn tương ứng này  
Phật xưa phương tiện nói  
Ba nghiệp gom chứa tội  
Vô lượng chương cực nặng  
Làm tội diệt này xong  
Như lửa đốt cỏ khô  
Hữu tình thương ngu mê  
Chẳng biết lý thú này  
Vì Như Lai Đại Bi  
Mở môn Bí diệu này

Tiếp, nên kết **Nhập ấn**

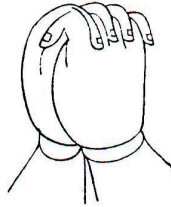
Trong chữ **Như Lai Trí** (Tathàgata-jñàna)

Hai tay buộc bên chắc

Thiền Trí (2 ngón cái) vào ở trong

Dem hai độ Tiến Lực (2 ngón trỏ)

Vịn nhau như cái vòng



Quán sen tám cánh trước

Trên đó đặt chữ **A (ॐ)**

Vì hai điểm nghiêm sức

Chữ diệu mới là **Ác (ॐ AH)**

Màu trắng như Kha Tuyết

Phóng tỏa ngàn hào quang

Tưởng dùng chi Tiến Lực (2 ngón trỏ)

Niệm chữ an trong tim

Ba nghiệp đều vận dụng

Tụng Mật Ngôn này là:

**Án – Bạt nhật la , phế xá , Ác**

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

ॐ OM VAJRA AVI'SA AH

Đã tưởng vào trong tim

**Tướng chữ** vượt quang diệu

Đây tức Pháp Giới Thể

Hành giả nên quán thấy

Chẳng lâu ngộ Tịch Tĩnh

Pháp vốn chẳng hề sinh

Các Như Lai ba đời

Thân Khẩu Ý Kim Cương

Đều dùng phương tiện diệu

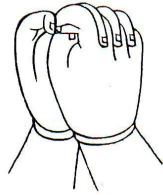
Giữ tại Kim Cương Quyển

Dùng dây đóng cửa tâm

**Chữ Trí** được bên chắc

Liên co độ Tiến Lực (2 ngón trỏ)

Trú ở lưng Thiền Trí (2 ngón cái)



Đem Ấn chạm ức ngực  
 Liên tụng **Diệu ngôn** này  
**Ấn – Bạt nhật-la mẫu sắt trí Hàm**  
 ॐ वज्रमुष्टि व  
 ॐ OM VAJRA MUṢṬI VAM

Hành Giả trụ **Đẳng dẫn** (Samàhita)  
 Hai tay buộc bền chắc  
 Ngửa đặt ở dưới rốn  
 Thiền Trí (2 ngón cái) hình cánh sen  
 Đây gọi **Tam Muội Ấn** (Samàdhi-mudra)



Tụng Mật Ngôn này là:  
**Ấn - Tam ma địa Bát đầu-mê hột-ly**  
 ॐ समध पद्मे ह्रि  
 ॐ OM SAMÀDHI PADME HRÌH

Thở ra và thở vô  
 Trú A NA BA NA (Anapanna)  
 Tưởng Phật khắp Hư không  
 Búng tay cảnh giác Ta  
**Phật Tử** (Buddha-putra) ! **Người làm sao**  
**Thành Vô thượng đẳng giác**  
**Chẳng biết các Như Lai**  
**Diệu Pháp của thật tướng**  
 Đã nghe cảnh giác xong  
 Hành giả lại bạch rằng  
**“Thế nào là chân thật?**  
**Nguyện TỐI THẮNG TÔN nói”**  
 Chư Phật đều vui vẻ  
 Tác Thắng Ngôn như vậy:  
**“Lành thay! Ma Ha Tát (Mahàsatva)**  
**Hay tác hỏi như vậy**  
**Người tướng ở trong Tim**  
**Có chứa Ác Tự Môn (𑖀\_AH )**  
**Dùng chữ thấu suốt Tâm**



Tụng Mật Ngôn này là:

**Án – Chỉ đa bát-la để Vị năng Ca lộ nhĩ**

ॐ (ॐ) ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

ॐ OM CITTA PRATIVEDHAM KARA UMI

Nên tụng thầm một biến

Liên tưởng làm vành trăng

Muốn tinh tiến gấp bội

Lại tụng Diệu Ngôn là:

**Án – mẫu đề chỉ đa mẫu đất bả na dạ nhĩ**

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

ॐ OM BODHICITTAM UTPÀDA YÀMI

Hay khiến vành trăng tim

Viên mãn rất thanh tịnh

Giữa tưởng Hoa sen diệu

Trên đặt Kim Cương báu

Mật Ngôn là:

**Án – Để sát xá ma ni bát nhật-la bát đầu-ma**

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

ॐ OM TIṢṬA MAṆIVAJRA PADMA

Dẫn ngang bằng Hư không

Vòng khắp ở Tam Giới (Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới)

Lại tụng Diệu Ngôn này

KIM CƯƠNG NGŨ lìa tiếng

**Án – Tát-pha la ma ni bát nhật la bát đầu-ma**

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

ॐ OM SPHARA MAṆIVAJRA PADMA

Ở đây dẫn sen đẹp

Phóng tỏa ngàn ánh lửa

Trong mỗi một ánh sáng

Vô lượng Sát Thổ Phật

Trong sát ( cõi ) có sen đẹp

Tưởng Bạc cầm sen báu

Cầm sen báu, phương thẳng

Trong phương tuôn diệu thanh (Tiếng vi diệu)

Ai có phần Phước mỏng

Sẽ mãn tất cả nguyện

Trụ TỊCH TAM MUỘI đấy

Làm lợi các Hữu tình

Loại Bồ Tát như vậy

Đều trụ ở **Đẳng dẫn**

Từ **LIÊN HOA THAI TẠNG** (Padma-garbha)

Phóng ngàn hào quang diệu

Đều làm lợi chúng sinh

Nhóm **ĐÀN BA LA MẬT** (Dànapàramitā:Bố Thí Ba La Mật)

Vào khắp các Tam Muội

**LÝ THỨ THIÊN XẢO MÔN**

Vì thương xót Hữu tình

Tác vô lượng phương tiện

Từ sinh đến Niết Bàn

Chuyển **ĐẠI DIỆU PHÁP LUÂN** (Mahà Sudharma-cakra)

Đều theo **Ý BẢO** (Báu Như Ý) ra

Diệu Pháp đã được nói

Đều dùng **LUÂN THÀNH TỰU** (Cakra-siddhi)

Dùng **LUÂN** làm **DIỆU TRÍ**

Hay chặt các **KIỆT SỬ**

Do chuyển Diệu Pháp luân

Đây là đường Phước trí

Tiếp, đều chính quán sát

Dần thâm sen Trí ấy

Mật Ngôn là:

**Án – Tạng ha la ma ni, bạt nhật-la, bát đầu-ma**

**ॐ ह्रीं लो मणिपद्मे ह्रीं**

**ॐ OM SAṂHARA MAṆIVAJRA PADMA**

Các Như Lai sở tại

Đều vào làm một thể

Giống như ở gương sáng

Đều hiện nơi vạn tượng

**PHÁP GIỚI TỰ TÍNH THỂ**

Trú ở sen Kim Cương

Liên biến sen báu ấy

Làm **CHÂN ĐA BỒ TÁT** (Cintā-maṇi-bodhisatva )

Tay cầm báu Như Ý

Thân sáu tay màu vàng

Đều tướng ở Tự thân

**ĐỈNH** kế báu trang nghiêm

Mão có **TỰ TẠI VƯƠNG** (Loke'svara Ràja)

Trụ ở tướng Thuyết Pháp

Tay thứ nhất: suy tư

Thương nhớ các Hữu tình

Thứ hai cầm **Ý BẢO** (Báu Như Ý)

Hay mãn tất cả nguyện

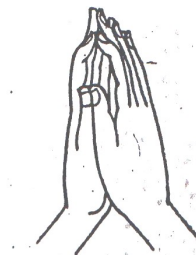
Thứ ba, cầm tràng hạt  
 Vì cứu khổ Bàng sinh  
 Trái (Tay thứ nhất bên trái) đè núi Quang Minh  
 Thành tựu không lay động  
 Thứ hai, tay cầm sen  
 Hay tĩnh các **Phi Pháp**  
 Thứ ba, tay cầm Luân (bánh xe)  
 Hay chuyển Pháp Vô Thượng  
 Sáu tay: QUẢNG BÁC THỂ ( Thể rộng lớn )  
 Hay dạo chơi sáu nẻo  
 Dùng **phương tiện Đại Bi** (Mahà-kàruṇa-upàya)  
 Chặt các khổ Hữu tình  
 Hành Giả quán như vậy  
 Ngồi ở trong vành trăng  
 Thân tuôn ngàn hào quang  
 Đỉnh, lưng: hào quang tròn  
 Lại tưởng vành trăng tím  
 Cũng có hoa sen báu  
 Dùng đấy hay kiên cố  
 Không động quán thân mình  
 Vì lia các vọng tưởng  
 Tụng Mật Ngôn này là:

**Án – Nật-lý trà để sắt xá la đất na bạt nhật-la bát đầu-ma đất ma cú hàm,  
 tam ma dụ hàm, ma ha Tam ma dụ hàm – Tát bà đất tha nghiệt đa tỳ Tam bồ  
 địa la đất ná bạt nhật-la bát đầu-ma đất ma cú hàm**

ॐ ह्रीं शिखरिणी ॥ वृ वज्र पद्म मय्यक्षरं सम्यक्षं मन्त्रमय्यक्षरं मन्त्रं ॥  
 एतन्मन्त्रं ॥ वृ वज्र पद्म मय्यक्षरं

ॐ OM DR̥DHA TIṢṬA RATNA VAJRA PADMA ATMAKA UHAM  
 SAMAYA UHAM MAHÀ SAMAYA UHAM - SARVA TATHÀGATA  
 ABHISAMBODHI RATNA VAJRA PADMA ATMAKA UHAM

Dùng Pháp này gia trì  
 Mười độ hợp PHÙ DUNG  
 Co Tiến Lực (2 ngón trở) như báu



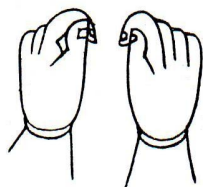
Ấn: tim, trán, họng, đỉnh  
 Tưởng chữ HỒNG ( ह्रं \_ HŪM ) ở tim  
 ĐÁT LA ( श्रः \_ TRÀH ) an ở trán  
 HỘT-LÝ ( ह्रीः \_ HRÌH ) trên cổ họng

Để chữ Ác (𑖀 - AH) ở đỉnh  
 Do đặt bày tướng này  
 Thân này như Kim Cương  
 Lại tụng Mật ngôn này  
 LIÊN HOA NGŨ làm tiếng  
**Án - La đát ná bạt nhật-la đát ma, Hột-ly**  
 ॐ [ ॐ वज्र वज्र ]  
 ॐ OM - RATNA-VAJRA DHARMA HRÌḤ

Tiếp, nên kết QUÁN ĐỈNH  
 Bạc Trí hợp LIÊN CHUỖNG  
 Tiến Lực (2 ngón trỏ) như hình bấu  
 Đàn Tuệ (2 ngón út) mở gần nhau  
 Đặt trán tụng Mật Ngôn  
 Tâm tưởng Phật quán đỉnh  
**Án - Bát đầu ma bạt cú chi đa chi, la đát na bát đầu-ma tỵ sái kế la tỵ sãn**  
**giả Hàm, đát lạc**

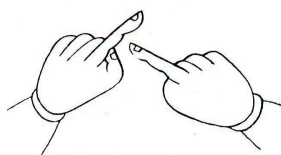
ॐ [ ॐ पद्म भृकुटि तारे रत्नपद्म अभिसािकया ]  
 ॐ OM - PADMA BHRĪKUṬI TĀRE RATNAPADMA ABHIṢAIKĀYA  
 ABHIṢIMCA MĀM - TRĀḤ

Liên dùng Diệu Án này  
 Hai tay chia hai bên  
 Như buộc vòng hoa sen



Từ từ hạ xuống buông  
 Tưởng thế rũ giải lụa  
 Tụng Diệu Ngôn này là  
**Án - Bát đầu ma, ma lệ, Hàm, Hột lý, đát lạc**  
 ॐ [ ॐ पद्म मले मम ]  
 ॐ OM PADMA MĀLE MĀM - HRÌḤ TRĀḤ

Tiếp, nên kết GIÁP KHẢI (Ao giáp)  
 Hai tay Liên Hoa Quyên (Padma-muṣṭi)



Từ tim ràng đến lưng

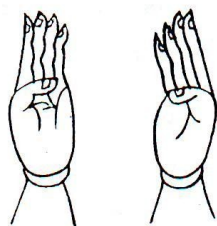
Từ lưng ràng ngay rốn  
 Hưởng eo với hai gối  
 Lên dần ràng sau nã  
 Từ sau cổ, ngang họng  
 Lại ràng ở sau cổ  
 Quay lại đến trên trán  
 Lui về sau đỉnh ràng  
 Dần dần hạ xuống bụng  
 Tụng Bí Mật Ngôn này:

**Án – A bà duệ bát đầu ma, ca phộc chế, mẫn đà, la cật-sái, hàm, Hồng  
 hàm**

ॐ ऋभयपद्मे कवच बन्धा रक्षामं हुं हं

☞ OM ABHAYE PADME KAVACE BANDHA RAKṢA MAM \_ HUM  
 HAM

Vì làm vui Chư Phật  
 Nên vỗ **LIÊN HOA ÁN** (Padma-mudra)  
 Hai tay kết **LIÊN CHUỖNG**  
 Khéo vỗ khiến vui vẻ



Mật Ngôn là:

**Án – Bát đầu-ma đồ sử ,hồ**

ॐ पद्मे तुष्य हौ

☞ OM PADMA TUṢYA HOḤ

Tưởng ở trước thân mình  
 Quán **HỘT LÝ** Tự Môn (ॐ)  
 Biến thành **LIÊN HOA VƯƠNG** (Padma-ràja)  
 Giữa có chữ **HỘT LÝ** (ॐ \_ HRÌH)  
**ĐÁT LA** (ॐ \_ TRA ) an hai bên  
 Làm Kim Cương bảo liên (sen báu Kim Cương)  
 Cộng biến làm sở Tôn  
 Cầm báu Diệu Chân Đa  
 Như trước Quán thân mình  
 Nay **SỞ QUÁN** cũng vậy  
 Vì khiến **THỂ** không hai  
 Tiếp, tác Pháp **HỒ TRIỆU**  
 Mười độ (10 ngón tay), sen chưa nở

Tiến Lực (2 ngón trở) như móc câu



Liên tụng Mật Ngữ này

Nên làm LIÊN HOA ÂM (Padma-svara)

**Án – Bát đầu-ma chỉ-nhạ na năng cú xã hồng**

ॐ पद्मज्ज्ञाना अम्कु'सा हुम्

ॐ OM PADMA JÑANA AMKU'SA HUM

Hành Giả đã triệu xong

Tiếp nên kết **Sách Ấn**

Như trước hợp LIÊN CHUỖNG

Tiến Lực (2 ngón trở) vịn như vòng

Đây tên: LIÊN HOA SÁCH (Padma-pà'sa)



Hay mãi các ý nguyện

Nên tụng Mật Ngữ này

Triệu vào ở TRÍ THÂN

**Án – Bát đầu-ma chỉ-nhạ na , mẫu già bả xã, Hồng**

ॐ पद्मज्ज्ञाना अमोघप'सा हुम्

ॐ OM PADMA JÑANA AMOGHAPÀ 'SA HUM

Đã vào ở Trí Thân

Vì khiến không lay động

Lại nên kết LIÊN TỎA (Padma-Sphota)

Nên tác tâm quyết định

Như trước hợp Liên Chưởng

Tiến (ngón trở phải) Thiền (ngón cái phải) vịn như vòng

Lực (ngón trở trái) Trí (ngón cái trái) cũng như vậy

Cùng kết như Câu Tỏa (móc khóa)



**Án – Bát đầu-ma chỉ-nhạ na, tác-bố tra, Hồng**

ॐ पद्मज्ज्ञानं श्लोकं ॥

ॐ OM PADMA JÑANA SPHOṬA HUM

Vì khiến rất vui vẻ

Kết LIÊN HOA LINH ẤN (Padma-ghamṭa-mudra)

Nên đem hoa sen dâng

Thiền Trí (2 cái) vào trong chưởng

Tiến Lực (2 trở) như cái vòng



Tụng Bí Mật Ngũ này

Ấn – chỉ-nhạ ná bát đầu-ma, vĩ xã gia, Hồng

ॐ ज्ञानपद्म मन्त्रियं ॥

ॐ OM JÑANA PADMA AVI'SAYA HUM

Tiếp, nên tụng LIÊN HOA BÁCH TỰ MẬT NGÔN dâng hiến vật khí Át Già (Argha). Đem nước thơm Uất Kim, Long Não, Bạch Đàn dâng lên cúng dường

Ấn – Bát đầu-ma tát đất phộc Tam ma gia ma nỗ bá la gia – Bát đầu-ma tát đất phộc diệt phế nộ bả để sất tra nật-lý trạc mê bà phộc, Tố số mê bà phộc\_ A nỗ lạc cật đồ mê bà phộc, Tố bố số mê bà phộc, tát bà tát địa mê bát la duệ xa . Tát bà yết ma Tố giả mê chỉ đa thất-lợi được củ lộ hồng – Ha Ha Ha Ha hô – Bà nga phạm, tát bà đất tha nghiệt đa – Bát đầu-ma Ma mê muộn giả, Bát đầu-mê bà phộc Ma ha Tam ma gia tát đất phộc, Hột-lý

ॐ पद्मसर्व सम्यक्सर्वथा पद्मसर्व वृक्षपत्रं पृथक् पृथक् सर्वं शुभं  
शुभं सर्वं शुभं शुभं शुभं शुभं शुभं शुभं शुभं शुभं शुभं शुभं शुभं शुभं शुभं शुभं शुभं  
शुभं शुभं शुभं शुभं शुभं शुभं शुभं शुभं शुभं शुभं शुभं शुभं शुभं शुभं शुभं शुभं शुभं  
शुभं शुभं शुभं शुभं शुभं शुभं शुभं शुभं शुभं शुभं शुभं शुभं शुभं शुभं शुभं शुभं शुभं

ॐ OM - PADMA SATVA SAMAYAM - ANUPĀLAYA - PADMA SATVA TVENA UPATIṢṬA - DRDHO MEBHAVA - SUTOṢYO MEBHAVA - ANURAKTO MEBHAVA - SUPOṢYA MEBHAVA - SARVA SIDDHI ME PRAYACHA\_ SARVA KARMA SU CA ME CITTAM 'SRĪYAḤ KURU HUM - HA HA HA HA HOḤ\_ BHAGAVAM - SARVA TATHĀGATA - PADMA MA ME MUMCA PADMĪ BHAVA - MAHĀ SAMAYASATVA - HRĪH

Tiếp, dùng Nội Ngoại Cúng

Cúng dường LIÊN HOA VƯƠNG

Ấy là NỘI CÚNG DƯỜNG

Chưởng Phù Dung ngang tim

Thiền Trí (2 ngón cái) kèm duỗi thẳng

Tên là LIÊN HOA HỖ (Padma-rati)



Nên tụng Mật Ngôn này

**Án – Chi-nha na bát đầu-ma la tế, Hồng**

**ॐ ॐ नमो नमो ॐ ॐ**

ॐ OM JÑANA PADMA RATI HÙM

Tiếp, kết HOA MAN ẤN (Màle-mudra)

Dùng dây mà cúng dường

Chẳng đời HỖ ẤN trước

Hai tay dâng hướng trước



Tưởng mọi thứ BẢO MAN (Tràng hoa báu)

Trần khắp Hư không giới

Mật Ngôn là:

**Án\_ Chi-nha ná , bát đầu-ma, ma lệ hồng**

**ॐ ॐ नमो नमो ॐ ॐ**

OM JÑANA-PADMA MÀLE HÙM

Tiếp nên dùng CA ẤN (Gìta-mudra)

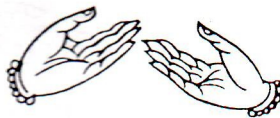
Phụng hiến Bậc TRÍ LIÊN (Jñana-padma)

Lại dùng Diệu Ấn trước

Co chưởng trụ các Độ (các ngón tay)

Từ rốn dần đến miệng

Buông xuống như viết chép



Tưởng âm Khẩn Na La (Kinnara)

Cúng dường các Thánh Giả

Mật Ngôn là:

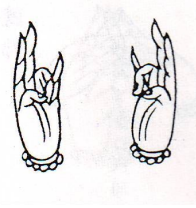
**Án – Chi-nha ná , bát đầu-ma nghê đế – Hồng”**

**ॐ ॐ नमो नमो नमो ॐ ॐ**

ॐ OM JÑANA-PADMA GÌTE HÙM



Tiếp, nên kết VŨ ẤN (Nṛtye-mudra)  
Ấn trước chuyển trái, phải  
Chấp Phù Dung điệu chường  
Đặt trên đỉnh đầu, buông



Do Bốn cúng dường đấy  
Hay được Đại Thần Thông  
Mật Ngôn là:

**Ấn – Chỉ-nhạ ná, bát đầu-ma nễ-lật đế , Hồng**

ॐ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ

ॐ OM JÑANA-PADMA NṚTYE HUM

Tác **bốn cúng dường** này  
Hay thành việc tối thắng

Tiếp, kết NGOẠI CÚNG DUỜNG

Tâm vui vẻ dâng hiến

Vận tâm không biên giới

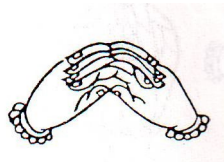
LIÊN HOA PHẦN HƯƠNG (Padma-dhùpa) Pháp

Chư Phật chân thành nói

Vì lợi các Hữu tình

Liên Chường hương xuống, buông

Giống như thế đốt hương



Tụng Bí Mật Ngôn này

Tưởng mây hương cúng dường

Vòng khắp Hư không giới

Cúng dường các Thánh chúng

**Ấn – Bát đầu-ma chỉ-nhạ ná độ bế , ác**

ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॐ

ॐ OM PADMA-JÑANA DHÙPE AH

Tiếp nên kết HOA ẤN (Puṣpa-mudra)

Dùng ba mươi hai tướng

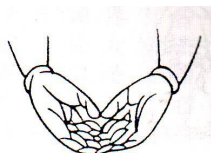
Trang nghiêm các Như Lai

Quán mây hoa điệu sắc

Vận tâm tràn tất cả

Như trước chấp LIÊN CHUỜNG

Trên rải như tán hoa



Với các **Thiền Thệ Tử**

Tưởng đầy Hư không giới

Mây hoa thơm phưng phức

Cây báu (kiếp thụ) rất trang nghiêm

Tụng Bí Diệu Ngôn này

Ba nghiệp đều vận dụng

**Án – Bát đầu-ma chỉ-nhạ ná bổ sáp bế , Hồng**

**ॐ पद्म कुण्डल्य ह्रूं**

ॐ OM - PADMA-JÑANA-PUṢPE HÙM

Vô minh che chúng sinh

Lìa ánh sáng Trí Tuệ

Vì làm Tĩnh Trừ ấy

Nên kết **TRÍ ĐĂNG ÁN** (Jñana-àloke-mudra)

Dùng Liên Hoa Chướng trước

Thiền Trí (2 ngón cái) cùng dựng nghiêng



Tâm tưởng đèn Ma Ni

Chiếu khắp Hư không giới

Tuôn vô lượng ánh sáng

Tụng Mật Ngôn là:

**Án – Bát đầu-ma chỉ-nhạ ná, nễ bế**

**ॐ पद्म कुण्डल्य ह्रूं**

ॐ OM PADMA-JÑANA ÀLOKE HÙM

Bậc Trí ! Tiếp nên kết

**GIẢI THOÁT ĐỒ HƯƠNG ÁN** (Mukti gandha-mudra)

Vì Tĩnh chúng sinh nên

Hiến hương **THI LA** ('Sila) này

Hai tay bung Liên chướng

Ngang tim, thế xoa hương



Mười ngón thành huân tập  
 Biển hương tràn Hư không  
 Hiến Phật và Sở Tôn  
 Tụng Bí Mật Ngũ này  
**Án – Bát đầu-ma Chỉ-nhạ ná, hiến đề Hồng**  
 ॐ पद्म कुण्डल ॐ  
 ॐ OM PADMA-JÑANA GANDHE HUM

Nội Ngoại cúng dường xong  
 Sau đó nên thuận niệm  
**KẾT BÍ CĂN BẢN ẤN**  
**ĐỐI TRƯỚC MẬT NGÔN CHỦ**  
 Trước, tụng Căn Bản Ngôn  
 Bảy biến rõ ràng xong  
 Đặt chưởng ngang với tim  
 Nhấn Nguyện (2 ngón giữa) như cánh sen  
 Tiến Lực (2 ngón trỏ) dạng MA NI  
 Các ngón khác như phượng



Tụng Căn Bản Mật Ngôn  
 Nghĩ mãi nguyện Hữu tình  
 Mật Ngôn là:

**Ná ma la đất ná đất la dạ dã – Ná mạc a lợi gia phộc lỗ chỉ đế thấp phộc  
 la gia – Bồ địa tát đất phộc gia – Ma ha tát đất phộc gia – Ma ha ca lỗ nê ca  
 gia – Đất diệt tha – Án chước ca la mật đề chân đa ma nê– Ma ha bát đầu mê  
 – Lỗ lỗ đế sát trá – Nhập phộc la, A ca lý sái gia – Hồng phan tra tát-phộc ha**

ॐ नमो रत्नत्रये  
 ॐ नमो अर्या अलोकतेस्वरया बोधिसत्वया महा  
 सत्वया ॐ पद्म कुण्डल ॐ पद्मकुण्डल ॐ पद्मकुण्डल ॐ पद्मकुण्डल ॐ  
 नमो रत्नत्रये ॐ नमो रत्नत्रये ॐ नमो रत्नत्रये ॐ नमो रत्नत्रये ॐ नमो रत्नत्रये ॐ

ॐ NAMO RATNATRAYAYA

NAMAḤ ÀRYA AVALOKTE'SVARÀYA BODHISATVÀYA MAHÀ  
 SATVÀYA - MAHÀ KÀRUNIKÀYA

TADYATHÀ: OM CAKRA VARTTI CINTÀMAṆI MAHÀ PADME  
 RURU TIṢṬA JVALA AKARṢAYA HUM PHAT SVÀHÀ

Tiếp, kết TÂM BÍ MẬT  
 Y Căn Bản Ấn trước  
 Buộc Đàn Tuệ (2 ngón út) Giới Phương (2 ngón vô danh)

Tên là BẢN TÂM ẤN



Tất cả các ý nguyện  
Ứng theo niệm của Tâm  
Do kết Ấn này nên  
Thảy đều được thành tựu  
Mật Ngôn là:

**Án – Bát đầu mê chân đá ma nê nhập phộc la Hồng**

ॐ पद्म शङ्करा ज्वाला हुं

ॐ OM - PADMA CINTĀMAṆI JVALA HŪM

Tiếp, kết TÙY TÂM ẤN

Hai tay buộc bền chắc  
Tiến Lực (2 ngón trỏ) hình MA NI  
Thiền Trí (2 ngón cái) kèm nhau duỗi  
Giới Phương (2 vô danh) cũng duỗi thẳng  
Đàn Tuê (2 ngón út) dựng chéo nhau



Tụng TÂM TRUNG TÂM này

**Án phộc la ná bát đầu mê Hồng**

ॐ वारदा पद्मे हुं

ॐ OM VARADA PADME HŪM

Tiếp, tướng trong miệng TÔN  
Tuôn ra lời Bí Mật  
Rõ ràng thành TỰ ĐẠO (Con đường đầy chữ)  
Ngũ sắc quang chiếu diệu  
Màu thù thắng xen kẽ  
Vào trong miệng DU KỲ (Yogi \_ Người tu Du Già)  
Bày trong vành trăng tim  
Trong như pha lê hồng  
Mỗi mỗi suy tư kỹ  
Thuận lý tùy giác ngộ  
Trú định mà tu tập

Nhập vào A TỰ MÔN (𑖀)  
Liên vào LUÂN TỰ QUÁN  
Đều quán khắp các chữ  
Đây tên TAM MUỘI NIỆM  
Được Trí với giải thoát  
Do sự tương ứng này  
Chẳng lâu thành Chủng Trí

Nếu ngay tiếng thuận niệm  
Tối thắng diệu kỳ đặc  
Trụ ở BẢN TÔN QUÁN  
Tâm chẳng nên nóng vội  
Chẳng cao cũng chẳng thấp  
Chẳng chậm cũng chẳng gấp  
Bậc Trí lìa phân biệt  
Với các Tâm vọng tưởng  
Nếu tụng Lạc Xoa Biến (100.000 biến)  
Mong cầu đều Tất Địa (Siddhi \_ Thành tựu)  
Hai tay cầm tràng hạt  
Pha Tri với hạt sen  
Loa Châu với báu khác  
Sáng đẹp không tỳ vết  
Nên xuyên trăm lỗ tám  
Mỗi hạt tụng bảy biến  
TÂM với TÂM TRUNG TÂM  
Với TỶ CÂU (Bhṛkūṭi) ĐA LA (Tàrà)  
Tác Pháp này gia trì  
Xỏ xâu **châu man** xong  
Ngay tìm mỗi một độ  
Cùng SA HA (Svàhà) tề thanh (Đồng âm thanh)  
Một ngàn trăm tám biến  
Tùy sức mà niệm tụng  
Bốn thời hoặc ba thời  
Pháp này sau đêm THẮNG  
Trong Kinh NHƯ Ý LUÂN  
BẢN GIÁO, Phật đã nói  
Nếu tu tập như vậy  
Đời này chứng SỞ ĐỊA  
Qua mười sáu đời sau  
Thành VÔ THƯỢNG BỒ ĐỀ  
Hướng chi THẾ TẤT ĐỊA (Loka-siddhi: thành tựu việc thế gian)  
Đời này chẳng như ý

Tùy sức niệm tụng xong  
Trùng kết TAM MUỘI ẤN  
Lại làm Tám CÚNG DƯỜNG  
Phát khiển Mật ngôn chủ  
Hai tay buộc bên chắc  
Nhấn Nguyện (2 ngón giữa) hình cánh sen



Từ tim đến mắt, buông  
Trên đỉnh hợp Hoa Chưởng



Tưởng TÔN trong Hư không  
Lại đường đi về cung  
Mật ngôn là:

**Án – Bát đầu-ma tát đát-phộc, hột lý, mục**

**ॐ पद्मसत्वा ह्रीं मुह**

ॐ OM PADMA SATVA HRÌH MUH

Phát Khiển Thánh Giả xong  
Tự trú BẢN TÔN QUÁN  
Hoặc ở nơi nhàn tĩnh  
Chuyển đọc MA HA DIỄN (Mahà-yàna:Đại Thừa)  
LĂNG GIÀ và HOA NGHIÊM  
BÁT NHÃ với LÝ THỨ  
Nhóm Kinh giáo như vậy  
Suy tư rồi tu tập  
Tụng đọc Kinh Điển xong  
Tự ý đi, đứng, ngồi  
Cho đến nơi ngủ nghỉ  
Chẳng cách **Tâm Bồ Đề** (Bodhicitta)  
Chẳng lâu sẽ thành tựu  
**Kim Cương Tạng** (Vajra-garbha) đã nói  
Nghĩ quý Đại Bi này  
Chẳng chịu ngày và Tú (tinh tú)

Thời, thực (ăn) và tắm gội  
Hoặc Tĩnh hoặc Bất Tĩnh  
Thường nên chẳng gián đoạn  
Mau lìa sự tán loạn  
Chẳng tính các chuyện đời  
Niệm xong phát thệ nguyện  
Kết TAM MUỘI GIA ẤN (Samaya-mudra)  
Lễ Phật Bồ Tát xong  
Tùy ý mà **kinh hành** (Caṅkramana)

Do đây tích phước nghiệp  
Sức Bản Nguyện Giải thoát  
Hay khiến các Hữu tình  
Mau được NHẤT THIẾT TRÍ (Sarva-jñā)  
Bốn câu Nguyện trên đây  
**Kim Cương nghi quỹ** thuật  
Vì lợi cho chúng sinh  
Nay Ta đồng kết tập

QUÁN TỰ TẠI NHƯ Ý LUÂN BỒ TÁT DU GIÀ PHÁP YẾU (Hết)

Hiệu chỉnh xong vào ngày 24/06/2011